TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-PT
Ngày: 15 – 01 – 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2018 về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 318/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị D (Có mặt)
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N1 (Có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh C, .
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1: Ông Đặng Minh H1, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Minh H1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Anh Nguyễn Văn N2 (con bà N1 và ông Q; vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh C, .
2. Anh Nguyễn Văn Đ (con bà N1 và ông Q; vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Văn B1 (con bà N1 và ông Q; vắng mặt)
4. Anh Nguyễn Chí T1 (con bà N1 và ông Q; vắng mặt)
5. Chị Nguyễn Thị C1 (con bà N1 và ông Q; vắng mặt)
6. Chị Nguyễn Thị C2 (con bà N1 và ông Q; vắng mặt)
7. Anh Nguyễn Di P, sinh năm 1991 (con bà N1 và ông Q; có mặt)
8. Chị Nguyễn Kiều L1 (con bà N1 và ông Q; vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh C, .
9. Anh Huỳnh Văn T2 (con bà Nữa và ông H1; vắng mặt)
Địa chỉ: xã B, huyện T, Cà Mau.

10. Anh Huỳnh Văn L2 (con bà Nữa và ông H1; vắng mặt)

Địa chỉ: xã B, huyện T, Cà Mau.

11. Anh Huỳnh Văn H2 (con bà Nữa và ông H1; vắng mặt)

12. Chị Huỳnh Tấn L3 (con bà Nữa và ông H1; vắng mặt)

13. Chị Huỳnh Thúy O (con bà Nữa và ông H1; vắng mặt)

14. Anh Huỳnh Văn T3 (con bà Nữa và ông H1; vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện T, tỉnh C, .

15. Bà Nguyễn Thị T4 (vắng mặt)

Địa chỉ: quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.

16. Ông Huỳnh Văn T5 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh C, .

17. Chị Nguyễn Thị L4 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện T, tỉnh C, .

18. Chị Danh Thị H3 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh C, .

19. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là Agribank Việt Nam); địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Agribank Việt Nam: Ông Nguyễn Thanh Tòng, chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

20. Ủy ban nhân dân huyện Thới B3

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thới B3: Ông Lê Chí T, chức vụ Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Lê Thị D trình bày*:

Vào năm 1980 bà D nhận chuyển đổi từ bà Nguyễn Thị N(đã chết) phần đất khoảng 08 công tầm 3m, tại ấp Xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất có ranh giới: Mặt tiền giáp phần đất bà N1; Mặt hậu giáp phần đất ông Chín Bé; Cạnh phải giáp phần đất của bà Lê Thị Đ; Cạnh trái giáp phần đất của ông Ba Trượng; hiện nay bà D chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do phần đất không có đường nước để làm vuông nên năm 2010 bà D nhận chuyển nhượng của ông T5 đường nước mặt tiền giáp rạch Cái Sắn ngang 5m; mặt hậu giáp đất ông T5 ngang 4m; cạnh phải giáp ông 5 Cho, ạnh trái giáp bà N1 đều có chiều dài 173m; giá chuyển nhượng 03 chỉ vàng 24K. Việc chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương và không có người chứng kiến. Lúc bà nhận chuyển nhượng đất không có cặm ranh, nhưng khi bà múc đất có ông Q là chồng bà N1 (đã chết) chỉ ranh để xáng đổ đất lên bờ. Khi bà D thuê xáng vào múc đường kinh, Uỷ ban nhân dân xã Biển Bạch Đông có xử phạt chủ xáng vì phá lộ xe để xáng vô. Sau khi múc xong bà D đã tự làm cầu giao thông nông thôn trên phần đất này để khắc phục lại.

Bà D sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng từ ông T5 một phần làm đường bơm nước, phần còn lại để làm lối đi và bỏ đất lên khi nạo vét kênh. Khoảng hai năm sau phía bà N1 trồng cây trên phần đất bà D nhận chuyển nhượng của ông T5 nên phát sinh tranh chấp.

Bà D yêu cầu bà N1 trả lại phần đất tranh chấp 01 công (tầm 03m) tại ấp Xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (kích thước ngang mặt tiền 5m, ngang mặt hậu 4m, chiều dài 173m).

- Theo bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà N1 có phần đất vị trí như sau: Mặt tiền giáp rạch Cái Sắn dài 40m; mặt hậu giáp Kinh Đê dài 36m; cạnh phải giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Lanh dài khoảng 12 công; cạnh trái giáp các phần đất của ông Nguyễn Văn Cho, ông Phạm Trường Thạnh và bà Lê Thị D dài 12 công. Phần đất này đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn Q(chồng bà Nguyêt) đứng tên (ông Q đã chết năm 2013). Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Thới Bình. Nguồn gốc đất bà N1 nhận chuyển nhượng của dì ruột bà là bà Nguyễn Thị T4 vào năm 1980, trên phần đất có một con Lung (hiện đang tranh chấp với bà D) do con Lung thuộc phần đất của ông Sáu Vẹn nên gọi là Lung Sáu Vẹn (ông Vẹn là anh ông Út Đốc). Lúc nhận chuyển nhượng ông Út Đốc đã chết, nên vợ ông Út Đốc (bà N1 không biết họ tên) nói với bà sử dụng luôn con lung. Khi nhận chuyển nhượng không có đo đạc thực tế và phần đất này bà T4 cũng không có tranh chấp với ai. Bà N1 canh tác đến năm 2016 thì phát sinh tranh chấp với bà D, do ông Ba Trượng khi chuyển nhượng đất cho bà D không xác định ranh đất đến đâu và không cho bà N1 hay.

Lúc ông Q còn sống có cho bà D múc con lung Sáu Vẹn bỏ đất tạm lên bờ chiều dài khoảng 01 công (36m). Khi bà D múc con lung bà N1 có trình báo với ông Khước (hiện là Bí thư chi bộ ấp Cái Sắn Ngọn) nhưng không có lập biên bản. Sau khi phá lộ làm đường cho xáng vô, bà D đã tự làm cầu bê tông khắc phục lại. Trên phần bờ cặp với phần kinh tranh chấp, bà N1 có chừa khoảng 1,5m để làm lối đi từ năm 1980 đến nay. Bà N1 không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu bà D.

- Anh Nguyễn Chí T1, anh Nguyễn Di P trình bày:

Anh T1, anh P thống nhất với trình bày của bà N1, không có ý kiến bổ sung.

- Anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Căn nhà anh đang ở hiện nay có một phần vách nhà nằm trong phần đất tranh chấp giữa bà D với bà N1. Căn nhà này do anh và vợ trước là Nguyễn Thị L4 cất khoảng năm 2010, ở được vài tháng thì anh và chị L4 phát sinh mâu thuẫn nên đã ly hôn. Chị L4 cùng các con là Nguyễn Trung Hiếu, Nguyễn Thái Em dời đi nơi khác không còn ở trong căn nhà này nữa. Khi cất thì các con anh là Hiếu và Thái Em không có đóng góp gì vào căn nhà này.Năm 2003 anh chung sống như vợ chồng với chị Danh Thị H3, đến năm 2017 anh và chị H3 có sửa chữa lại căn nhà nói trên. Các cây, cối trên phần đất tranh chấp là của anh trồng.

- Chị Danh Thị H3 trình bày:

Chị H3 thống nhất với trình bày của anh Đ, không có ý kiến bổ sung.

- Chị Nguyễn Thị L4 trình bày:

Trước năm 2000, sau khi cưới nhau chị và anh Đ cất nhà ở tại phần đất của cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị N1. Năm 2015 chị và anh Đ ly hôn nên chị không còn ở căn nhà nói trên, chị để lại cho anh Đ cùng vợ sau anh Đ ở.

- Bà Nguyễn Thị T4 trình bày:

Bà T4 xác định phần đất hiện nay bà N1 sử dụng là phần đất trước đây bà T4 nhận chuyển nhượng của ông Út Đốc, khi chuyển nhượng chỉ nói bằng lời nói về kích thước chiều ngang mặt tiền và mặt hậu là 01 công tầm 3m tới mé Lung Sáu Vẹn, không có đo đạc cụ thể. Sau đó bà T4 chuyển nhượng lại cho cháu ruột bà là bà N1. Bà T4 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người đại diện hợp pháp của Agribank Việt Nam trình bày:

Ngày 17-12-2015 bà N1 có vay của Agribank Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình số tiền 74.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 15-12-2017, số tiền lãi tính đến ngày 31-10-2017 là 14.080.556 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 88.080.556 đồng. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất với diện tích 15.470m^2. Đại diện Ngân hàng yêu cầu buộc bà N1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi cho Agribank Việt Nam theo hợp đồng đã ký. Nếu không thanh toán, yêu cầu xử lý theo pháp luật hiện hành.

- Ông Huỳnh Văn T5 trình bày:

Phần đất bà N1 đang sử dụng là của thân tộc ông Trịnh Văn Khi, sau đó thân tộc thống nhất giao lại cho ông Trịnh Văn Đốc, ông Đốc chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị T4 kích thước bao nhiêu ông không nắm được.

Phần đất tranh chấp giữa bà D và bà N1 hiện nay là của ông Khi chuyển nhượng lại cho ông năm 1994. Năm 2011 ông chuyển nhượng lại cho bà D với giá là 03 chỉ vàng 24K. Phần đất này khi ông sử dụng ông có đào mương nhưng ông Q, bà N1 không có ý kiến gì, ông có đóng tiền làm lộ giao thông nông thôn chiều ngang khoảng 06, 07m. Về kích thước phần đất ông không nắm rõ vì trước đây khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Khi không có đo đạc. Việc bà D kiện bà N1 để đòi lại phần đất nói trên là đúng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D đối với bà Nguyễn Thị N1, buộc bà N1, anh N2, anh Đ, anh B1, anh T1, chị C1, chị C2, anh P, chị L1 giao trả cho bà D phần đất có vị trí, kích thước như sau (*có sơ đồ kèm theo*):

Mặt tiền giáp lộ bê tông mốc M1, M2 dài 6.16m; mặt hậu giáp với phần đất của ông Huỳnh Văn T5 (hiện con là Huỳnh Tân Biên đang sử dụng) mốc M7, M9 dài 6.10m; cạnh bên phải (*nhìn từ mặt tiền)* mốc M1, M9 giáp với phần đất của ông Năm Cho và một phần còn lại của bà D (ký hiệu LUK 9) dài 175.6m; cạnh bên trái (*nhìn từ mặt tiền)* mốc M2, M7 giáp với phần đất của bà N1 dài 176.62m. Diện tích thực tế là 960.6m^2. Trong đó phần đường nước diện tích 293.3m^2, phần đất liền diện tích 667.3m^2 tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Giao hai cây dừa cho bà D sử dụng, buộc bà D thanh toán cho bà N1 giá trị hai cây dừa là 573.000 đồng.

Buộc bà N1 di dời 04 gốc tràm bông vàng (tràm núi), đã khai thác, hiện không còn giá trị sử dụng.

Buộc anh Đ khai thác các loại cây sau: 10 cây tràm núi, 06 bụi thanh long, 02 cây nhàu, 02 bụi chuối, 01 cây mít, 04 cây xoài, 01 cây tranh, 01 cây tầm ruộc, 04 cây bạch đàn, 01 cây đước, 02 cây bần ổi, 06 cây bình bát, 03 bụi khoai mì, 02 cây ổi.

Buộc anh Đ di dời các loại cây sau: 02 cây cao kiểng, 01 cây xanh, 20 cây mai vàng.

Buộc anh Đ, chị L4, chị H3 di dời một phần vách nhà kích thước 2.5 x 7m (vách lá, khung sườn cây gổ địa phương).

Về chi phí tố tụng buộc bà N1 hoàn lại cho bà D số tiền xem xét thực tế thẩm định tại chổ là 3.775.000 đồng và định giá tài sản số tiền 850.000 đồng tổng cộng 4.625.000 đồng (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/9/2018, bà Nguyễn Thị N1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1 phát biểu: Theo Công văn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình xác định phần lung bà D tranh chấp với bà N1 là lung tự nhiên, sử dụng công cộng; bà T4 sang nhượng đất đến mé lung nhưng phần lung bà N1 vẫn sử dụng; ông T5 cho rằng phần đất tranh chấp là của ông T5 sang cho bà D là không có căn cứ. Phần đất liền bà N1 và con bà N1 trồng cây trước đó. Theo biên bản thẩm định đo đạc hết cả phần lung và đất liền, phần lung ½ là của ông Cho, ½ là của bà N1. Án sơ thẩm tuyên giao cả phần lung của ông Cho cho bà D là vượt quá thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đối với đề nghị của luật sư về việc hủy án sơ thẩm: Theo biên bản thẩm định đối với phần đất tranh chấp giữa bà D với bà N1 không thể hiện có ½ phần lung là của ông Cho, đồng thời phía bà N1, bà D đều xác định phần lung tranh chấp là của bà N1, bà D. Do đó không có căn cứ cho rằng án sơ thẩm xét xử giao cả ½ phần lung của ông Cho cho bà D là vượt quá thẩm quyền, án sơ thẩm không vi phạm tố tụng nên không có căn cử hủy án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo mảnh trích đo địa chính số 29-2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình, phần đất tranh chấp có vị trí, kích thước, diện tích theo đo đạc thực tế như sau: Mặt tiền giáp lộ bê tông mốc M1, M2 dài 6.16m; mặt hậu giáp với phần đất của ông Huỳnh Văn T5 (hiện con là Huỳnh Tân B đang sử dụng) mốc M7, M9 dài 6.10m; cạnh bên phải (*nhìn từ mặt tiền)* mốc M1, M9 giáp với phần đất của ông Năm Cho và một phần còn lại của bà D (ký hiệu LUK 9) dài 175.6m; cạnh bên trái (*nhìn từ mặt tiền)* mốc M2, M7 giáp với phần đất của bà N1 dài 176.62m. Diện tích thực tế là 960,6m^2. Trong đó phần đường nước diện tích 293,3m^2, phần đất liền diện tích 667,3m^2 tại ấp Xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà D cho rằng phần đất tranh chấp nêu trên và nhận chuyển nhượng của ông T5 vào năm 2011, lúc chuyển nhượng đất không có tranh chấp với ai (nguồn gốc đất ông T5 nhận chuyển nhượng từ ông Trịnh Văn K là cháu nội của ông Trịnh Văn T, ông T là anh ruột của ông Trịnh Văn Đ và ông Trịnh Văn V). Xét lời trình bày của bà D phù hợp với lời trình bày của ông Huỳnh Thanh Kh, ông Huỳnh Hoàng V, ông Đinh Đức H, ông Trịnh Văn Kh do cấp sơ thẩm thu thập có trong hồ sơ.

Về phía bà N1 cho rằng năm 1980 bà nhận chuyển nhượng của bà T4 phần đất mặt tiền ngang 40m, mặt hậu ngang 36m, chiều dài 12 công. Liền kề với phần đất bà nhận chuyển nhượng là con Lung Sáu Vẹn, lúc này ông Út Đốc đã chết nên vợ ông Đốc kêu bà sử dụng luôn con Lung Sáu Vẹn. Ngày 10-10-1996 ông Q chồng bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất nói trên, lúc ông Q đăng ký kê khai làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ khai phần đất mặt tiền, mặt hậu đều có chiều dài 36m, sau này phát hiện phần đất còn dư bà N1 định đi đăng ký bổ sung nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà không bổ sung được. Tuy nhiên, bà N1 không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà N1 cũng thừa nhận phần đất bà T4 chuyển nhượng cho bà không bao trùm cả con lung đang tranh chấp với và D.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là con lung tự nhiên hay còn gọi kinh Đường Ruộng do ông Trịnh Văn Vẹn quản lý, sử dụng nên còn tên gọi khác là Lung Sáu Vẹn. Theo Ủy ban nhân dân xã Biển Bạch Đông xác định phần đất tranh chấp không thuộc đất bảo lưu của Nhà nước, chưa có ai đăng ký kê khai, hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo lời trình bày của bà T4 xác định phần đất bà chuyển nhượng cho bà N1, trước đó bà T4 nhận chuyển nhượng của ông Út Đốc, khi chuyển nhượng chỉ nói bằng lời nói về kích thước chiều ngang mặt tiền và mặt hậu là 01 công tầm 3m (bằng 36m) tới mé Lung Sáu Vẹn, không có đo đạc cụ thể. Ông Đốc không có chuyển nhượng đường Lung Sáu Vẹn (phần đất đang tranh chấp hiện nay) cho bà vì thời điểm này đất Lung không canh tác được. Như vậy, bà T4 chỉ chuyển nhượng cho bà N1 phần đất chiều ngang mặt tiền và mặt hậu đều 36m, không có chuyển nhượng con Lung Sáu Vẹn cho bà N1.

Theo đo đạc thực tế thì phần đất của bà N1 đang quản lý đều có kích thước chiều ngang trên 37m, nếu cộng thêm kích thước chiều ngang của phần đất tranh

chấp thì kích thước chiều ngang phần lớn hơn nhiều so với kích thước phần đất bà T4 chuyển nhượng.

Mặt khác, thời gian từ năm 1994 đến năm 2011 ông T5 sử dụng phần đất này bà N1 cũng không có tranh chấp. Bà N1 thừa nhận ông T5 có chuyển nhượng phần đất Lung Sáu Vẹn cho bà D, bà D có thuê xáng cuốc nạo vét đường kênh và làm cầu bê tông trên phần đất tranh chấp hiện nay nhưng bà không có ý kiến phản đối.

Từ phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với bà N1, buộc bà N1 và những người có liên quan gồm anh N2, anh Đ, anh B1, anh T1, chị C1, chị C2, anh P, chị L1 trả lại cho bà D phần đất tranh chấp nêu trên là có căn cứ. Tuy nhiên án sơ thẩm tuyên chiều dài mốc M1, M9 là 175.6m, nhưng thực tế đo đạc là 175.06m, do có sai sót cần phải điều chỉnh lại. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm bà N1 được miễn chịu án phí (do người cao tuổi).

Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D đối với bà Nguyễn Thị N1. Buộc bà N1 và những người liên quan gồm anh Nguyễn Văn N2, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn B1, anh Nguyễn Chí T1, chị Nguyễn Thị C1, chị Nguyễn Thị C2, anh Nguyễn Di P, chị Nguyễn Kiều L1 giao trả cho bà D phần đất có vị trí, kích thước: Mặt tiền giáp lộ bê tông mốc M1, M2 dài 6.16m; mặt hậu giáp với phần đất của ông Huỳnh Văn T5 (hiện con là Huỳnh Tân Biên đang sử dụng) mốc M7, M9 dài 6.10m; cạnh bên phải (*nhìn từ mặt tiền)* mốc M1, M9 giáp với phần đất của ông Năm Cho và một phần còn lại của bà D (ký hiệu LUK 9) dài 175.06m; cạnh bên trái (*nhìn từ mặt tiền)* mốc M2, M7 giáp với phần đất của bà N1 dài 176.62m; diện tích theo đo đạc thực tế 960.6m^2, trong đó: phần đường nước diện tích 293.3m^2, phần đất liền diện tích 667.3m^2 tại ấp Xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Giao hai cây dừa cho bà D sử dụng, buộc bà D thanh toán cho bà N1 giá trị hai cây dừa là 573.000 đồng.

Buộc bà N1 di dời 04 gốc tràm bông vàng (tràm núi), đã khai thác; Buộc anh Đ khai thác các loại cây sau: 10 cây tràm núi, 06 bụi thanh long, 02 cây nhàu, 02 bụi chuối, 01 cây mít, 04 cây xoài, 01 cây tranh, 01 cây tầm ruộc, 04 cây bạch đàn, 01 cây đước, 02 cây bần ổi, 06 cây bình bát, 03 bụi khoai mì, 02 cây ổi và di dời 02 cây cao kiểng, 01 cây xanh, 20 cây mai vàng; Buộc anh Đ, chị Nguyễn Thị L4, chị Danh Thị H3 di dời một phần vách nhà kích thước 2.5 x 7m (vách lá, khung sườn cây gổ địa phương) để trả lại hiện trạng cho bà D.

Buộc bà N1 hoàn trả lại cho bà D số tiền xem xét thẩm định 3.775.000 đồng và định giá tài sản số tiền 850.000 đồng, tổng cộng 4.625.000 đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án đối với bà N1, bà N1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với bà D đối với số tiền nêu trên thì hàng tháng bà N1, bà D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N1 được miễn chịu án phí; bà D phải chịu 300.000 đồng, ngày 04 – 4 – 2017 bà D đã dự nộp 390.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018522 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, đối trừ bà D được nhận lại 90.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm bà N1 không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập